



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 68 + 69

Ngày 15 tháng 9 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 07-8-2019- | Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 19-8-2019- | Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND về lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 18 |
| 20-8-2019- | Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND bãi bỏ một phần Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt; xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 30 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 09-8-2019- Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. 33

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 24-7-2019- Quyết định số 3096/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của quận Bình Thạnh. 35
- 06-8-2019- Quyết định số 3283/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”. 46
- 06-8-2019- Công văn số 6991/VP-VX v/v đính chính văn bản. 61
- 21-8-2019- Chỉ thị số 08/CT-UBND về nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 của giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh. 62

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố
và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019
hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính
phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban
nhân dân thành phố quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên*

địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Thực hiện Thông báo số 3976-TB/TU ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc chấp thuận tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Theo Tờ trình số 4096/TTr-STC ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Sở Tài chính; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3380/STP-VB ngày 11 tháng 7 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ) và xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực đào tạo lái xe ô tô, sát hạch lái xe ô tô không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, Đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà

nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành ủy không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Đối tượng sử dụng và số lượng xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 Quyết định này.

2. Chung loại và mức giá xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 2 Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch mua sắm, điều chuyển xe ô tô chuyên dùng.

- Việc quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Số lượng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 2 Quyết định này là số lượng tối đa có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định này phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Nguồn kinh phí mua xe phải được sắp xếp, bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm

- Tuân thủ đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, nguyên tắc trang bị, quản lý và sử dụng tài sản đúng theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác tại các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mua sắm xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức

được ban hành tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 5. Kho bạc Nhà nước thành phố

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng kèm theo Quyết định này thực hiện kiểm soát chi đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2019.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2016, Quyết định số 4819/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2017 và Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyền

PHỤ LỤC 1

*(Đính kèm Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng xe ô tô chuyên dùng
I	Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố	285
Sở Nội vụ		
1	Chi cục Văn thư lưu trữ	1
Sở Tài nguyên và Môi trường		
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	1
2	Văn phòng Biến đổi khí hậu	1
3	Văn phòng Đăng ký đất đai	1
4	Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường	1
5	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	1
6	Ban Quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải thành phố	1
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1
2	Chi cục kiểm lâm	5
3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	8
4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	4
5	Trung tâm Khuyến nông	1
6	Ban Quản lý rừng phòng hộ Bình Chánh - Củ Chi	2
7	Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản	2
8	Trung tâm Tư vấn và hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu Kinh tế Nông nghiệp	1
9	Trung tâm Công nghệ sinh học thành phố	2
Sở Xây dựng		
1	Thanh tra Sở Xây dựng	25
2	Trung tâm Quản lý nhà và giám định xây dựng	1
3	Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố	2

Sở Giao thông vận tải		
1	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	32
2	Trung tâm Quản lý đường hầm sông Sài Gòn	11
3	Trung tâm Quản lý Đường thủy	2
4	Cảng vụ đường thủy nội địa	1
5	Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng thành phố	2
6	Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ	2
Sở Giáo dục và Đào tạo		
1	Trường Cao đẳng Kinh tế	1
2	Trường Cao Đẳng Kinh tế Kỹ thuật thành phố	1
3	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	1
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
1	Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2	2
2	Cơ sở Cai nghiện ma túy Đức Hạnh	1
3	Cơ sở Cai nghiện ma túy Phú Đức	1
4	Cơ sở Cai nghiện ma túy Phú Nghĩa	1
5	Cơ sở Cai nghiện ma túy - Bảo trợ xã hội Phú Văn	2
6	Cơ sở Cai nghiện ma túy Phước Bình	1
7	Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa	2
8	Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp	1
9	Cơ sở Cai nghiện ma túy Bồ Lá	1
10	Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức	1
11	Làng thiếu niên Thủ Đức	2
12	Ban Quản trang thành phố	1
13	Cơ sở Cai nghiện ma túy Bình Triệu	1
14	Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Tam Bình	2
15	Trung tâm Bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè	1
16	Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người bại liệt Thạnh Lộc	1
17	Trung tâm hỗ trợ xã hội	2
18	Trung tâm Điều dưỡng tâm thần Tân Định	1

Sở Văn hóa - Thể Thao		
1	Sở Văn hóa Thể thao	1
2	Bảo tàng chứng tích chiến tranh	1
3	Phòng kiểm tra Văn hóa phẩm XNK	1
4	Trung tâm Thể dục thể thao Thống Nhất	1
5	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật	1
6	Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang	5
7	Nhạc hát Giao hưởng Nhạc Vũ kịch	3
8	Nhà hát Ca múa nhạc Dân tộc Bông Sen	2
9	Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội	2
10	Nhà hát Kịch Thành phố	1
11	Trung tâm Ca nhạc nhẹ thành phố	1
12	Nhà hát Nghệ thuật Phương Nam	6
13	Bảo tàng TP.HCM	1
14	Bảo tàng Lịch sử	1
15	Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ	1
16	Trung tâm Văn hóa thành phố	1
17	Thư viện Khoa học Tổng hợp	2
18	Trung tâm Thông tin triển lãm	5
19	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao	2
Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố		
1	Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố	12
2	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	1
Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh		
1	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao thành phố	1
2	Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao	1
3	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao	2
Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh		
1	Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	1

2	Trung tâm Nghiên cứu triển khai khu Công nghệ cao	1
Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây bắc thành phố		
1	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây bắc thành phố	1
Ban Quản lý Khu công viên lịch sử Văn hóa dân tộc thành phố		
1	Ban Quản lý Khu công viên lịch sử Văn hóa dân tộc	1
Ban Quản lý Đường sắt đô thị		
1	Ban Quản lý Đường sắt đô thị	1
Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông		
1	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	2
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp		
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	2
Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố		
1	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố	2
Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư		
1	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	1
Trường Đại học Sài Gòn		
1	Trường Đại học Sài Gòn	5
Đài Tiếng nói nhân dân thành phố		
1	Đài Tiếng nói nhân dân thành phố	2
Đài truyền hình Thành phố		
1	Đài Truyền hình thành phố	50
Lực lượng Thanh niên xung phong TP HCM		
1	Lực lượng Thanh niên xung phong	3
2	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1	2
3	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2	1
4	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 3	1
5	Cơ sở xã hội Nhị Xuân	3
Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch		

1	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1
Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh		
1	Học viện Cán bộ thành phố	1
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố		
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	1
Thành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh		
1	Thành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	2
2	Báo Tuổi trẻ	5
3	Báo Khăn Quàng Đỏ	2
4	Nhà thiếu nhi TP	1
II	Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận - huyện	785
UBND QUẬN 1		
1	Ủy ban nhân dân 10 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	20
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	6
5	Trường Chuyên biệt Tương Lai quận 1	1
UBND QUẬN 2		
1	Ủy ban nhân dân 11 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	22
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Chuyên biệt Thảo Điền	1
UBND QUẬN 3		
1	Ủy ban nhân dân 14 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	28
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2

5	Trường Chuyên biệt Tương Lai quận 3	1
UBND QUẬN 4		
1	Ủy ban nhân dân 15 phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	30
2	Trung tâm văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
UBND QUẬN 5		
1	Ủy ban nhân dân 15 phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	30
2	Trung tâm văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Chuyên biệt Tương Lai quận 5	1
UBND QUẬN 6		
1	Ủy ban nhân dân 14 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	28
2	Trung tâm văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Khuyết tật Hy Vọng	1
UBND QUẬN 7		
1	Ủy ban nhân dân 10 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	20
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
UBND QUẬN 8		
1	Ủy ban nhân dân 16 phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	32
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1

4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Khuyết tật Hy Vọng	1
UBND QUẬN 9		
1	Ủy ban nhân dân 13 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	26
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
UBND QUẬN 10		
1	Ủy ban nhân dân 15 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	30
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Giáo dục Chuyên biệt quận 10	1
UBND QUẬN 11		
1	Ủy ban nhân dân 16 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	32
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Giáo dục Chuyên biệt 15/5	1
UBND QUẬN 12		
1	Ủy ban nhân dân 11 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	22
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Giáo dục Chuyên biệt Ánh Dương	1
UBND QUẬN TÂN BÌNH		

1	Ủy ban nhân dân 15 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	30
2	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Tân Bình	3
3	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
4	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hướng Dương	1
UBND QUẬN TÂN PHÚ		
1	Ủy ban nhân dân 11 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	22
2	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Tân Phú	3
3	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
4	Trường Giáo dục Chuyên biệt Bình Minh	1
UBND QUẬN BÌNH THẠNH		
1	Ủy ban nhân dân 20 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	40
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
UBND QUẬN BÌNH TÂN		
1	Ủy ban nhân dân 10 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	20
2	Trung tâm Văn hóa Thể dục thể thao quận Bình Tân	3
3	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
4	Trường Giáo dục Chuyên biệt Bình Tân	1
UBND QUẬN PHÚ NHUẬN		
1	Ủy ban nhân dân 15 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	30
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Giáo dục Chuyên biệt Niềm Tin	1
UBND QUẬN GÒ VẤP		

1	Ủy ban nhân dân 16 phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	32
2	Trung tâm Văn hóa quận	2
3	Trung tâm Thể dục thể thao quận	1
4	Đội quản lý trật tự đô thị Quận	2
5	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng	1
UBND QUẬN THỦ ĐỨC		
1	Ủy ban nhân dân 12 Phường (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	24
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH		
1	Ủy ban nhân dân 16 xã, thị trấn (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	32
2	Trung tâm Văn hóa Thể dục thể thao huyện Bình Chánh	3
3	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
UBND HUYỆN HÓC MÔN		
1	Ủy ban nhân dân 12 xã, thị trấn (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	24
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
UBND HUYỆN CỬ CHI		
1	Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	42
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật Củ Chi	1
UBND HUYỆN NHÀ BÈ		
1	Ủy ban nhân dân 7 xã, thị trấn	14

	(mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục Thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
UBND HUYỆN CẦN GIỜ		
1	Ủy ban nhân dân 7 xã, thị trấn (mỗi phường, xã, thị trấn tối đa 02 xe ô tô)	14
2	Trung tâm Văn hóa	2
3	Trung tâm Thể dục thể thao	1
4	Đội Quản lý trật tự đô thị	2
5	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	2
Tổng cộng (I +II)		1,070

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2

*(Đính kèm Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa
1	Xe ô tô tải	
	- Tải trọng dưới 1 tấn	500.000.000 đồng
	- Tải trọng từ 1 tấn đến 1,5 tấn	600.000.000 đồng
	- Tải trọng từ 1,6 tấn đến 2,5 tấn	650.000.000 đồng
	- Tải trọng từ 2,6 tấn 3,5 tấn	900.000.000 đồng
	- Tải trọng từ 3,6 tấn đến 4,5 tấn	1.100.000.000 đồng
2	Xe ô tô bán tải	1.200.000.000 đồng
3	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	
	- Xe từ 17 chỗ ngồi đến 24 chỗ ngồi	1.600.000.000 đồng
	- Xe từ 25 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi	1.800.000.000 đồng
	- Xe từ 31 chỗ ngồi đến 45 chỗ ngồi	2.000.000.000 đồng
4	Xe ô tô có cấu tạo đặc biệt; xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng; xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe phát thanh, truyền hình lưu động; xe thư viện số lưu động; xe sân khấu lưu động; xe ô tô phun nước; xe ô tô cần cẩu; xe quét rác và hút bụi đường;....)	Theo giá thị trường

** Ghi chú: Giá xe ô tô nêu trên chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe.*

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức
thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thực hiện Kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo số 493/TB-VP ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2831/TTr-STC-QLG ngày 13 tháng 5 năm 2019; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 872/STP-VB ngày 20 tháng 02 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này quy định về việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, bao gồm cả trường hợp tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng theo quy định tại Điều 29 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người và đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai đe dọa tính mạng con người theo quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (gọi tắt là Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường): Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố; Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện; Trung tâm Phát triển quỹ đất.

2. Các đối tượng khác có liên quan tới việc lập, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Nguồn và mức trích kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất

1. Nguồn kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trích bằng 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án; trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Đối với dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường được lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án theo khối lượng công việc thực tế và mức trích không khống chế tỷ lệ 2% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án.

3. Căn cứ mức kinh phí được trích cụ thể của từng dự án, tiểu dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường xác định kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất bằng 10% kinh phí quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều này để tổng hợp vào dự toán chung.

Điều 4. Tỷ lệ phân chia kinh phí hoạt động của các tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tỷ lệ phân chia kinh phí hoạt động của các tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện như sau:

1. Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố được trích bằng 2% dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng không quá một trăm (100) triệu đồng một dự án.

Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố báo cáo, trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận việc quản lý, sử dụng phần kinh phí được trích theo đúng quy định.

2. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án (gọi tắt là Hội đồng Bồi thường của dự án) được sử dụng phần kinh phí còn lại sau khi trích cho Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố để chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trong trường hợp các dự án do Ban Quản lý đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì chi phí thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ban Quản lý đầu tư xây

dựng nằm trong chi phí của Hội đồng Bồi thường của dự án và do Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án phê duyệt.

Điều 5. Mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất

1. Nội dung chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất: chi theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Chi đo đạc, lập bản vẽ hiện trạng nhà, đất phục vụ việc tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: được thanh quyết toán theo đơn giá và khối lượng thực tế trên cơ sở hợp đồng thuê đơn vị có chức năng đo đạc, lập bản vẽ nhà, đất nhưng không vượt quá đơn giá chuẩn do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thực hiện.

Hội đồng Bồi thường của dự án chịu trách nhiệm xác định phạm vi đo vẽ và thể hiện bản vẽ hiện trạng để xác lập hồ sơ bồi thường của từng trường hợp, kể cả trường hợp bị thu hồi một phần, nhưng xét thấy cần thiết phải đo, vẽ toàn bộ diện tích căn nhà hoặc toàn bộ diện tích đất gắn liền với nhà của từng hộ để xác lập hồ sơ phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ;

c) Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm: phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; đo đạc xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác: mức chi này được lập dự toán và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan (nhưng không được trùng lặp với chi phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư);

d) Chi cho công tác xác định giá đất bao gồm trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất, xác định hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường (nếu có), thẩm định giá đất cụ

thể; xác định giá tài sản gắn liền với đất phục vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; xác định giá bán tái định cư: theo Hợp đồng được ký giữa Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và đơn vị cung cấp dịch vụ. Đơn vị cung cấp dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký và pháp luật có liên quan. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ) Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: mức chi này được lập dự toán và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan (nhưng không được trùng lặp với chi phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư);

e) Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường: mức chi cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án xác định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định.

g) Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: mức chi này được lập dự toán và thanh quyết toán theo quy định.

2. Nội dung chi tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:

a) Chi phí thông báo, tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm, quyết định cưỡng chế thu hồi đất: mức chi cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án xác định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định;

b) Chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng chống cháy nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: theo chi phí thực tế do Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án xác định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định;

c) Chi phục vụ công tác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: mức chi cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án xác định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định;

d) Chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản; di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế, chi thuê địa điểm, nhân công, phương tiện bảo quản tài sản và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện bảo quản tài sản khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản không thanh toán: theo hợp đồng ký kết giữa các bên;

đ) Chi cho công tác quay phim, chụp ảnh phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: mức chi cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án xác định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định;

e) Chi phí bảo vệ, chống tái chiếm đất sau khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của thửa đất cưỡng chế thu hồi đến thời điểm hoàn thành việc giải phóng mặt bằng: mức chi cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án xác định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định;

g) Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: mức chi này được lập dự toán và thanh quyết toán theo quy định.

3. Chi thẩm định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: mức chi nộp cho cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tính bằng 5% trong tổng chi phí (2%) kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được thẩm định nhưng không quá năm mươi (50) triệu đồng/phương án.

4. Tiền lương và phụ cấp kiêm nhiệm của các bộ phận phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án:

a) Tiền lương và các khoản phụ cấp lương của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện: thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ tiền lương, phụ cấp trong các đơn vị sự nghiệp có thu (Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác).

b) Chi cho các thành viên kiêm nhiệm Hội đồng:

Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án (chỉ tính trong thời gian trực tiếp tham gia công tác bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư): không quá 1.000.000 đồng/người/tháng/dự án; các thành viên nêu trên nếu tham gia từ 10 Hội đồng trở lên thì chỉ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm không quá 10.000.000 đồng/người/tháng tính chung cho tất cả các dự án có tham gia; Đối với các thành viên còn lại: không quá 500.000 đồng/người/tháng/dự án; nếu tham gia từ 10 Hội đồng trở lên thì chỉ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm không quá 5.000.000 đồng/người/tháng. Mức chi cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Bồi thường của dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định; việc thanh toán phụ cấp kiêm nhiệm phải căn cứ vào thời gian trực tiếp tham gia công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của từng thành viên.

Trường hợp, Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập các Tổ công tác giúp việc cho Hội đồng Bồi thường của dự án, thì tùy tình hình cụ thể và chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trích, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định mức chi cho phù hợp cho các thành viên Tổ công tác.

c) Đối với lực lượng hỗ trợ trực tiếp trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (không thuộc Hội đồng và Tổ công tác): mức chi cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện.

5. Chi phí hoạt động của Hội đồng Bồi thường của dự án và hoạt động của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện:

a) Đối với văn phòng, trang thiết bị làm việc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thì các đơn vị này có trách nhiệm bố trí, sắp xếp trong quỹ nhà làm việc, trang thiết bị làm việc hiện có của mình để phục vụ công tác.

Trường hợp không bố trí được trong quỹ nhà và trang thiết bị làm việc hiện có thì được thuê văn phòng và trang thiết bị làm việc. Việc thuê văn phòng và trang thiết bị làm việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị).

b) Chi hội họp của Hội đồng Bồi thường của dự án: không quá 50.000 đồng/người/lần họp;

c) Chi phí khác (in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, xăng xe, hậu cần phục vụ, vệ sinh, điện, nước, tiếp dân, công tác phí...) được tính theo nhu cầu thực tế của từng dự

án, tiểu dự án.

6. Chi thưởng hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng trước thời hạn:

a) Trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng của các dự án hoàn thành trước thời gian quy định (căn cứ vào kế hoạch, thời gian hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt hoặc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố) thì các thành viên tham gia công tác bồi thường của dự án được thưởng với mức thưởng quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. Mức thưởng cụ thể do Hội đồng Bồi thường của dự án đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định.

b) Trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng của dự án hoàn thành đúng hoặc trễ thời gian quy định (căn cứ vào kế hoạch giải phóng mặt bằng khi phê duyệt phương án bồi thường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố), thì sẽ không được thưởng khoản này. Các trường hợp chậm trễ, kéo dài được xác định gây thiệt hại, tổn thất thì các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan phải chịu xử lý trách nhiệm theo quy định.

Điều 6. Kinh phí và mức chi của cơ quan thẩm định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện được thu và chi việc thẩm định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

1. Nguồn thu: thu phí thẩm định theo mức trích nộp của tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Quyết định này.

2. Nội dung và mức chi:

Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

Đối với phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định.

Điều 7. Lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất

1. Cùng với việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, gửi dự toán về Sở Tài chính thẩm định (đối với dự án, tiểu dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bao gồm cả trường hợp dự án, tiểu dự án được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất hoặc tạm ứng vốn từ Kho bạc Nhà nước); gửi Phòng Tài chính thẩm định (đối với dự án, tiểu dự án do Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) để trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Đối với dự án sử dụng nguồn ngân sách trung ương trên địa bàn địa phương, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, tiểu dự án, gửi Sở Tài chính (Phòng Tài chính) thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt. Chủ đầu tư dự án, tiểu dự án có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

2. Trong trường hợp chủ đầu tư dự án xây lắp có thực hiện một số nội dung công việc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thì chủ đầu tư phải lập dự toán chi phí cụ thể cho từng công việc trên cơ sở phân định trách nhiệm giữa các bên có liên quan thông qua Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường; chi phí này được tính vào dự toán chi phí tổ chức thực hiện của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm tổng hợp chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư gửi cơ quan tài chính quy định tại Khoản 1 Điều này thẩm định trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt để thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chịu trách nhiệm:

a) Ký hợp đồng với đơn vị chủ đầu tư dự án để tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và lập dự toán chi phí cho việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

b) Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đo đạc, lập bản vẽ để xác lập hồ sơ bồi

thường; đơn vị tư vấn xác định giá đất, xác định hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và các đơn vị tư vấn có chức năng có liên quan;

c) Hàng năm lập dự toán thu chi kinh phí hoạt động theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ và các quy định hiện hành gửi cơ quan tài chính quy định tại Khoản 2 Điều 6 thẩm định trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt để thực hiện;

d) Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ;

đ) Báo cáo quyết toán quý, năm toàn bộ chi phí hoạt động của đơn vị mình với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ.

e) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo đúng quy định.

2. Chủ đầu tư, quỹ phát triển đất chịu trách nhiệm: tổng hợp hồ sơ, chứng từ quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quyết toán dự án theo đúng quy định.

3. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện chịu trách nhiệm cân đối nguồn thu, chi của đơn vị thông qua phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định phương án tự chủ tài chính để làm cơ sở cho Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi, thanh toán các khoản chi cho phù hợp với từng loại đơn vị sự nghiệp theo quy định.

Điều 9. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, tiểu dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 69/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố và Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2010 của

Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Đối với những dự án, tiểu dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 (ngày Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành) thì việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 69/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố và Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính; trường hợp phát sinh việc cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Đối với những dự án, tiểu dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

2. Đối với các dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đã thực hiện trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, thì thực hiện theo dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường đã được phê duyệt.

3. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thì áp dụng quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở, ngành và các chủ đầu tư dự án kịp thời báo cáo, đề xuất gửi về Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Quyết định này thay thế Quyết định số 69/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo

cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ một phần Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành
đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt; xe đưa rước
học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4587/TTr-STP-KTrVB ngày 08 tháng 8 năm 2019, ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 5955/SGTVT-VTĐB ngày 08 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật:

1. Bãi bỏ một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt; xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

“- Phụ lục 1a-buýt: Đơn giá chuẩn cho 01km vận chuyển hành khách đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn vùng I; hoặc vừa hoạt động trên địa bàn vùng I vừa hoạt động trên địa bàn vùng II;

- Phụ lục 1b-buýt: Đơn giá chuẩn cho 01km vận chuyển hành khách đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn vùng II;

- Phụ lục 2a-buýt: Hệ số điều chỉnh đơn giá đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn vùng I; hoặc vừa hoạt động trên địa bàn vùng I vừa hoạt động trên địa bàn vùng II;

- Phụ lục 2b-buýt: Hệ số điều chỉnh đơn giá đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn vùng II;”

2. Bãi bỏ các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt; xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Phụ lục 1a-buýt: Đơn giá xe buýt cho 01 km vận chuyển áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn vùng I; hoặc vừa hoạt động trên địa bàn vùng I vừa hoạt động trên địa bàn vùng II.

- Phụ lục 1b-buýt: Đơn giá xe buýt cho 01 km vận chuyển áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn vùng II.

- Phụ lục 2a-buýt: Hệ số điều chỉnh đơn giá đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn vùng I; hoặc vừa hoạt động trên địa bàn vùng I vừa hoạt động trên địa bàn vùng II.

- Phụ lục 2b-buýt: Hệ số điều chỉnh đơn giá đối với các tuyến xe buýt hoạt động trên địa bàn vùng II.

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Giao Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định ban hành đơn giá chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

trên địa bàn Thành phố phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2019/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 09 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2007
của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

Xét Báo cáo thẩm định số 1024/BC-TP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp.

Lý do: căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã hết hiệu lực pháp luật.

Nội dung của Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh không còn phù hợp với quy định hiện hành. Những nội dung về quản lý và sử dụng tài sản nhà nước đã được quy định cụ thể tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Phú Lữ

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3096/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019
của quận Bình Thạnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017, số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017, số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 và số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018).

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh tại Tờ trình số 2065/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4667/TTr-STNMT-QLĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của quận Bình Thạnh với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																			
				Phường 1	Phườn 2	Phườn 3	Phườn 5	Phườn 6	Phườn 7	Phườn 11	Phườn 12	Phườn 13	Phườn 14	Phườn 15	Phườn 17	Phườn 19	Phườn 21	Phườn 22	Phườn 24	Phườn 25	Phườn 26	Phườn 27	Phườn 28
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ... (24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		2.078,59	26,47	32,17	46,17	37,00	29,77	39,64	77,44	111,39	262,23	32,21	51,52	64,46	39,65	39,81	180,77	56,69	184,07	131,43	86,29	19,43
1	Đất nông nghiệp	NNP	271,74																				271,74
1.1	Đất trồng lúa	LUA	166,28																				166,28
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC																					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	47,32																				47,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	32,50																				32,50
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	25,64																				25,64
1.8	Đất làm muối	LMU																					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.806,85	26,47	32,17	46,17	37,00	29,77	39,64	77,44	111,39	262,23	32,21	51,52	64,46	39,65	39,81	180,77	56,69	184,07	131,43	86,29	277,69
2.1	Đất quốc phòng	CQP	16,22			0,24		0,10		0,68		2,77	0,22			1,70		1,71		8,42			0,38
2.2	Đất an ninh	CAN	3,21	0,03	0,01			0,49	0,02		1,42		0,74	0,20		0,02			0,05	0,22			

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																			
				Phường 1	Phườn 2	Phườn 3	Phườn 5	Phườn 6	Phườn 7	Phườn 11	Phườn 12	Phườn 13	Phườn 14	Phườn 15	Phườn 17	Phườn 19	Phườn 21	Phườn 22	Phườn 24	Phườn 25	Phườn 26	Phườn 27	Phườn 28
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ... (24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	56,33	0,01	0,69	1,90	0,26	1,20	0,30	3,26	5,93	6,48	0,95	0,99	1,74	0,13	1,04	0,21	1,03	4,99	2,07	3,05	20,11
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	39,20	0,07		0,14	0,48	0,21	0,26		0,03	23,21	0,02	2,15	0,17	0,37	0,65	1,60		4,41	1,01	3,29	1,12
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	423,09	8,92	6,70	15,34	7,00	8,04	12,90	18,97	35,81	59,10	9,63	12,99	22,79	12,52	9,37	40,36	11,39	44,93	35,50	9,52	41,30
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,56	1,56																			
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA																					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT																					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	874,60	15,08	19,27	25,26	26,84	18,94	24,64	50,98	56,68	109,47	18,24	29,95	32,30	18,34	22,70	93,62	39,73	91,70	73,10	36,66	71,12
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,95	0,10	0,39	0,28	0,14	0,18	0,38	0,53	0,59	0,17	2,23	0,07	0,60	0,11	0,04	0,16	0,28	0,19	1,68	0,56	1,27
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,96		0,02				0,10		0,09	0,11	0,04	0,12			0,02			0,14	0,20		0,12
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	28,03	0,01	0,53	0,49	1,74	0,30	0,50	1,81	1,19	6,30	0,14	0,23	4,04	0,65	0,15	0,10	1,14	0,49	0,83		7,39

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																			
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 17	Phường 19	Phường 21	Phường 22	Phường 24	Phường 25	Phường 26	Phường 27	Phường 28
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... (24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,37	0,04			0,43		0,34	0,52	0,68								0,18	0,09			0,09
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,43		0,03										0,01	0,03		0,01	0,05	0,21	0,07	0,01	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	26,03	0,01	0,19	0,27		0,13		0,16	4,46	4,74			0,64	0,93		3,97	0,08	2,95	4,36	3,04	0,12
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,01		0,07	0,16	0,11	0,18	0,20		0,16	0,05				0,01	0,02	0,03			0,02		
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	323,86	0,64	4,27	2,09				0,53	4,35	49,83		4,82	2,17	4,84	5,82	39,00	2,76	25,33	12,59	30,16	134,67
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																					
3	Đất chưa sử dụng	CSD																					
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN																					
5	Đất khu kinh tế*	KKT																					
6	Đất đô thị*	KDT	2.078,59	26,47	32,17	46,17	37,00	29,77	39,64	77,44	111,39	262,23	32,21	51,52	64,46	39,65	39,81	180,77	56,69	184,07	131,43	86,29	549,43

2. Diện tích thu hồi đất năm 2019:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																			
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 17	Phường 19	Phường 21	Phường 22	Phường 24	Phường 25	Phường 26	Phường 27	Phường 28
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Đất nông nghiệp	NNP	3,18																				3,18
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1,57																				1,57
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC																					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,60																				0,60
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,81																				0,81
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,20																				0,20
1.8	Đất làm muối	LMU																					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	25,30			0,14			0,09		1,46		0,06			0,23	2,39	8,25	0,05	0,41	1,91	9,11	1,20
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,03														0,03						
2.2	Đất an ninh	CAN																					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																			
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 17	Phường 19	Phường 21	Phường 22	Phường 24	Phường 25	Phường 26	Phường 27	Phường 28
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,00								0,30										0,90	0,28	0,52
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,87						0,01							0,03	0,15	0,16		0,02		0,50	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,85						0,02		0,04							0,80		0,12		1,75	0,12
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT																					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,02																			0,02	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT																					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	15,60			0,11			0,06		0,93		0,06			0,20	2,20	7,16	0,05	0,27	1,01	3,45	0,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,02			0,02																	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,16								0,03						0,03	0,10					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,16								0,16												
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																					

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																			
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 17	Phường 19	Phường 21	Phường 22	Phường 24	Phường 25	Phường 26	Phường 27	Phường 28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,81																				0,81
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,20																				0,20
1.8	Đất làm muối	J/PNN																					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																					
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																						
	Trong đó:																						
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN																					
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP																					
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS																					
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU																					
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS																					

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																			
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 17	Phường 19	Phường 21	Phường 22	Phường 24	Phường 25	Phường 26	Phường 27	Phường 28
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU																					
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)																					
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)																					
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)																					
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	15,77			0,71		0,06			0,34			0,49		0,01		0,67		0,46		13,03	

Ghi chú: -(a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 2019:

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2018 quận Bình Thạnh không còn nhóm đất chưa sử dụng.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

4. Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh giới, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật; đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và theo quy định của Luật Đất đai.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3283/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”;

Căn cứ Kết luận số 484-KL/TU ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 6483/STNMT-CTR ngày 05 tháng 8 năm 2019 về kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh thực

hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối đôn đốc các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện các nội dung đã được phân công tại Kế hoạch này; định kỳ hàng quý, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018
của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động
“Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường
và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3283/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)**

Căn cứ Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước” (sau đây gọi tắt là *Chỉ thị số 19*);

Căn cứ Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước” (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 787*);

Căn cứ Kết luận số 484-KL/TU ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”,

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19 đến năm 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích:

1.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 19-

CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”.

1.2. Khắc phục các mặt tồn tại, hạn chế trong 6 tháng triển khai Chỉ thị số 19, xây dựng và đề xuất các giải pháp triển khai đến năm 2020.

2. Yêu cầu:

2.1. Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia Cuộc vận động.

2.2. Gắn việc thực hiện Cuộc vận động với triển khai hiệu quả Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về công tác bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư và quản lý chất thải trên địa bàn thành phố.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Lồng ghép việc thực hiện Cuộc vận động với triển khai hiệu quả các nội dung thực hiện lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Thư ngỏ số 161/LĐCP ngày 25 tháng 4 năm 2019 về chung tay hành động giải quyết vấn đề rác thải nhựa; Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về công tác bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư và quản lý chất thải trên địa bàn thành phố.

2. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức và vận động người dân cùng tham gia Cuộc vận động.

3. Giải quyết các vấn đề liên quan đến ô nhiễm rác thải khu dân cư và nơi công cộng.

4. Giải quyết các vấn đề liên quan đến lấn chiếm hệ thống kênh rạch, cửa xả, hầm ga thu nước và tình trạng xả rác trên kênh rạch.

5. Triển khai, duy trì hệ thống tiếp nhận thông tin phản ánh về môi trường; xây dựng dữ liệu quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực vệ sinh môi trường

6. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về vệ sinh môi trường nơi công

cộng, kinh doanh lấn chiếm lòng lề đường, các trường hợp lấn chiếm cửa xả, hầm ga thoát nước, lấp bít miệng thu nước và các công trình lấn chiếm trên kênh rạch.

7. Triển khai các giải pháp giảm sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng một lần trên địa bàn thành phố.

8. Rà soát, xây dựng và ban hành tiêu chí, quy trình công nhận các danh hiệu liên quan đến thực hiện Cuộc vận động, các danh hiệu văn hóa nhằm vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động .

9. Biểu dương, phổ biến và nhân rộng các mô hình, giải pháp thực hiện có hiệu quả trong quá trình triển khai Cuộc vận động.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Lồng ghép việc thực hiện Cuộc vận động với triển khai hiệu quả các nội dung thực hiện lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Thư ngỏ số 161/LĐCP ngày 25 tháng 4 năm 2019 về chung tay hành động giải quyết vấn đề rác thải nhựa; Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về công tác bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư và quản lý chất thải trên địa bàn thành phố:

Các Sở ngành và Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện tiếp tục triển khai các nội dung đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ tại các văn bản sau:

- Quyết định số 5927/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2018 -2020;

- Quyết định số 5297/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về công tác bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư và quản lý chất thải trên địa bàn thành phố.

- Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng

10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”.

- Kế hoạch số 3098/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019-2021.

2. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức và vận động người dân tham gia Cuộc vận động:

2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng các bộ tài liệu tuyên truyền chung về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước” và phổ biến cho các Sở ngành, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện, Mặt trận Tổ Quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để tuyên truyền thống nhất trên toàn địa bàn thành phố.

2.2. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch hướng dẫn các cơ quan báo chí thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thực hiện Cuộc vận động trên địa bàn thành phố. Đồng thời, xử lý các thông tin trái chiều, tiêu cực, không chính xác gây hoang mang dư luận, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân đưa tin sai sự thật và các nội dung liên quan đến Cuộc vận động trên thực tế.

2.3. Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đưa nội dung Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước” vào chương trình giảng dạy, ngoại khóa cho học sinh tất cả các bậc học trên địa bàn thành phố.

2.4. Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện:

a) Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia Cuộc vận động tại địa phương. Xây dựng các nội dung, chương trình, chuyên mục tuyên truyền, các tin, bài, phóng sự phát thanh đa dạng, phong phú; đồng thời lồng ghép thông tin tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt tại địa phương nhằm đảm bảo đến tháng 12 năm 2019, 100% người dân tại địa phương hiểu rõ và đồng hành cùng chính quyền trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường xã, thị trấn trong phạm vi quản lý thực hiện công tác đối thoại với nhân dân về vệ sinh môi trường để tuyên truyền, vận động người dân tham gia cùng thực hiện chủ trương của thành phố; đảm bảo đến hết tháng

9 năm 2019, 100% phường xã, thị trấn tổ chức đối thoại với nhân dân.

2.5. Các Sở ngành thành phố chủ động xây dựng các nội dung, tài liệu tuyên truyền trong ngành để vận động các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đối tượng quản lý trực thuộc ngành tham gia hưởng ứng, thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động.

2.6. Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện và đơn vị trực thuộc thành phố nghiên cứu nội dung tuyên truyền theo đặc thù của từng ngành, đăng tải lên website của đơn vị chậm nhất trong tháng 10 năm 2019; đồng thời, định kỳ hàng tháng cập nhật kết quả thực hiện lên website để tuyên truyền rộng rãi.

3. Giải quyết các vấn đề liên quan đến ô nhiễm rác thải khu dân cư và nơi công cộng:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đồ án quy hoạch xử lý chất thải rắn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố: kiểm tra định kỳ 6 tháng và kiểm tra đột xuất đối với các điểm tập kết rác thải, trạm trung chuyển, chất lượng vệ sinh đường phố kênh rạch, việc giải quyết các điểm ô nhiễm về rác thải, quản lý thùng rác công cộng và nhà vệ sinh công cộng trên địa bàn các quận - huyện.

c) Hướng dẫn và đôn đốc Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (theo Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố); chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển chuyển rác thải; chuyển đổi mô hình của lực lượng thu gom rác dân lập thành các hợp tác xã hoặc doanh nghiệp có tư cách pháp nhân.

3.2. Sở Văn hóa và Thể thao và các Sở ngành, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện tuyên truyền, vận động và yêu cầu người dân tham gia các chương trình sự kiện, lễ hội thực hiện dọn dẹp, vệ sinh rác thải tại các khu vực sau khi tổ chức, cụ thể:

a) Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng kế hoạch tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không xả rác trong quá trình tham gia chương trình sự kiện, lễ hội và yêu cầu người tham gia dọn dẹp, vệ sinh rác thải tại các khu vực tổ chức sau khi kết thúc chương trình; trong thời gian đầu triển khai có thể thành lập lực lượng tiên phong

thực hiện nhưng về lâu dài cần tuyên truyền, nâng cao ý thức để vận động người tham gia thực hiện. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định hoặc hướng dẫn thống nhất cho Sở ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện để thực hiện nội dung này.

b) Tùy theo lĩnh vực và phân cấp quản lý, các Sở ngành và Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện có kế hoạch cụ thể tuyên truyền, vận động và yêu cầu người tham gia dọn dẹp, vệ sinh rác thải tại các khu vực sau khi tổ chức chương trình sự kiện, lễ hội.

3.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện để hướng dẫn thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; tuyên truyền nâng cao ý thức nhân dân nhằm hạn chế tình trạng thải bỏ bừa bãi ở đồng ruộng, kênh rạch gây ô nhiễm môi trường. Lồng ghép các nội dung hoạt động bảo vệ môi trường trong tháng hành động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia ước sạch và Vệ sinh môi trường.

b) Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật triển khai Chương trình cùng nông dân bảo vệ môi trường trên địa bàn các quận - huyện sản xuất nông nghiệp, tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân dân trong việc canh tác nông nghiệp theo hướng giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, xây dựng hệ sinh thái ruộng lúa bờ hoa, giảm ô nhiễm môi trường.

c) Lồng ghép, hướng dẫn nội dung thu gom, xử lý bao bì thức ăn chăn nuôi, chất xử lý cải tạo môi trường nước và chất thải trong nuôi trồng thủy sản với công tác hướng dẫn kiểm tra, đánh giá, phân loại điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản và cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố.

d) Tiến hành thu gom, xử lý động vật không đảm bảo vệ sinh thú y theo quy định, đảm bảo tiêu diệt mầm bệnh, không để phát tán ra môi trường, góp phần bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

3.4. Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện

a) Tổ chức, sắp xếp lực lượng thu gom rác dân lập gắn với việc chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; đảm bảo đến năm 2020 hoàn thành việc chuyển đổi lực lượng thu gom rác dân lập thành các hợp tác xã hoặc doanh nghiệp có tư cách pháp nhân.

b) Thực hiện kết nối đồng bộ về thời gian giao rác của người dân - người thu gom - đơn vị vận chuyển rác và hướng dẫn, yêu cầu các hộ dân sinh sống, kinh doanh ở mặt tiền đường, các hộ dân có cho thuê mặt bằng ở mặt tiền đường, các hộ kinh doanh trên vỉa hè phải có khu vực và tự trang bị thiết bị lưu chứa rác thải phát sinh, không xả rác ra đường và trước miệng hầm ga thu nước; giữ gìn vệ sinh lề đường, vỉa hè trước nhà sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan đô thị; yêu cầu các hộ dân cho thuê nhà trọ, khu lưu trú cam kết giữ gìn vệ sinh, lưu chứa và giao rác cho đơn vị thu gom đúng quy định. Đến tháng 12 năm 2019, các đối tượng là hộ dân sinh sống và kinh doanh ở mặt tiền đường phải chịu trách nhiệm về chất lượng vệ sinh trên vỉa hè, mặt tiền đường. Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức lực lượng kiểm tra, giám sát định kỳ và xử lý vi phạm, báo cáo tình hình chất lượng vệ sinh trước và sau khi triển khai công tác này cho Ủy ban nhân dân thành phố trong các đợt sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 19.

c) Rà soát, thống kê hiện trạng, vị trí các nhà vệ sinh công cộng, thùng rác công cộng trên địa bàn để thực hiện kêu gọi đầu tư xã hội hóa theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Rà soát, giải quyết dứt điểm các điểm ô nhiễm về rác thải trên địa bàn trước ngày 30 tháng 11 năm 2019, báo cáo cụ thể thông tin xử lý (danh sách các điểm ô nhiễm, hình ảnh ghi nhận trước và sau khi cải tạo...) các điểm ô nhiễm này về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và báo cáo; đồng thời, Ủy ban nhân dân các quận - huyện phải có trách nhiệm duy trì chất lượng vệ sinh tại các khu vực đã được cải tạo. Tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu địa phương, tiến hành đầu tư xây dựng các điểm ô nhiễm về rác thải đã được chuyển hóa thành các khu sinh hoạt cộng đồng phục vụ nhu cầu của người dân.

4. Giải quyết các vấn đề liên quan đến lấn chiếm hệ thống kênh rạch, cửa xả, hầm ga thu nước và tình trạng xả rác trên kênh rạch:

4.1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và đơn vị liên quan xử lý kịp thời các điểm ngập cục bộ và ngăn chặn không để phát sinh điểm ngập mới; đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án chống ngập trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các quận - huyện trong việc kiểm tra, xử lý các công trình, nhà cửa xây dựng lấn chiếm cửa xả, hố ga thoát nước và hệ thống sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố; báo cáo kết quả thực hiện của các

quận - huyện đối với công tác này từ năm 2017 đến nay cho Ủy ban nhân dân thành phố để tổ chức đoàn đi phúc tra trong tháng 8 năm 2019.

c) Tổng hợp hiện trạng 5 hệ thống kênh rạch chính có chức năng tiêu thoát nước cho khu vực nội thành và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân công trách nhiệm quản lý, giám sát việc xả rác trên các tuyến kênh này, đảm bảo điều kiện thoát nước tự nhiên và góp phần giảm ngập cho thành phố.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch nạo vét kênh rạch từ nay đến năm 2020 và tổ chức thực hiện việc nạo vét, duy tu, bảo dưỡng hệ thống kênh rạch, hệ thống thoát nước, sau đó bàn giao cho các quận - huyện, phường, xã, thị trấn quản lý.

4.2. Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện:

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan, có giải pháp xử lý đối với các khu vực thường xuyên bị ngập do mưa và triều cường trên địa bàn.

b) Rà soát, thống kê các vị trí lấn chiếm cửa xả, hầm ga thoát nước và hệ thống kênh rạch trên địa bàn; có kế hoạch cụ thể kiểm tra, xử lý các công trình, nhà cửa xây dựng lấn chiếm cửa xả, hồ ga thoát nước và hệ thống sông, kênh, rạch trên địa bàn quản lý; có các giải pháp ngăn chặn nguồn xả thải ô nhiễm xuống kênh rạch, không để tái lấn chiếm và ô nhiễm hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn.

5. Triển khai, duy trì hệ thống tiếp nhận thông tin phản ánh về môi trường; xây dựng dữ liệu quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực vệ sinh môi trường:

5.1. Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường xã, thị trấn triển khai, duy trì hệ thống thông tin tiếp nhận phản ánh về tình hình vệ sinh môi trường, xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu tại địa phương.

5.2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện

a) Thiết lập đường dây nóng của Ủy ban nhân dân quận - huyện để trả lời, giải quyết các phản ánh của người dân về vệ sinh môi trường; giao trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời những thông tin do người dân phản ánh.

b) Triển khai, duy trì hệ thống tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh tại địa phương và xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu để quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về vệ sinh môi trường nơi công cộng, kinh doanh lấn chiếm lòng lề đường, các trường hợp lấn chiếm cửa xả, hầm ga thoát nước, lấp bít miệng thu nước và các công trình lấn chiếm trên kênh rạch:

6.1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan nghiên cứu tính pháp lý để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp để chỉ đạo tăng cường xử lý vi phạm về vệ sinh môi trường nơi công cộng làm cơ sở cho các địa phương thực hiện; nghiên cứu đề xuất áp dụng hình phạt lao động công ích đối với các trường hợp vi phạm quy định về vệ sinh nơi công cộng.

6.2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở liên quan rà soát lại quy chế tổ chức, hoạt động của Đội quản lý trật tự đô thị và đội thanh tra xây dựng địa bàn; đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung chức năng, nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ môi trường theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 1478/UBND-ĐT ngày 19 tháng 4 năm 2019.

6.3. Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện:

a) Giao nhiệm vụ cho Đội Quản lý trật tự đô thị và Đội Thanh tra xây dựng địa bàn thực hiện kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực vệ sinh nơi công cộng, kiểm tra thường xuyên, đột xuất các điểm tập kết rác thải tại khu dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 1478/UBND-ĐT ngày 19 tháng 4 năm 2019.

b) Rà soát việc sử dụng hệ thống định vị GPS trên các phương tiện vận chuyển và hệ thống camera giám sát tại các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt của địa phương để quản lý hiệu quả chất lượng cung ứng dịch vụ. Kết hợp sử dụng camera giao thông, camera an ninh để giám sát chất lượng vệ sinh môi trường trên các tuyến đường.

c) Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính về vệ sinh môi trường nơi công cộng trên địa bàn quận - huyện.

7. Triển khai các giải pháp giảm sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng một lần:

7.1. Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị liên quan triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 3098/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn

thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019-2021.

7.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Biên soạn, xây dựng các tài liệu truyền thông (khẩu hiệu, nội dung tuyên truyền) gửi đến các Sở ngành, địa phương, đơn vị để in ấn phục vụ công tác truyền thông; triển khai thực hiện ký kết với các Sở ngành, tổ chức, đoàn thể về thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn thành phố.

b) Đưa nội dung tuyên truyền về tác hại của rác thải nhựa, túi ni lông khó phân hủy vào Chương trình truyền thông về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu hàng năm.

c) Theo dõi và đôn đốc các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai hiệu quả Kế hoạch số 3098/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

7.3. Sở Công Thương

a) Thực hiện công tác truyền thông đến các doanh nghiệp trong hệ thống phân phối (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại), khuyến khích sử dụng túi, bao bì ni lông dễ phân hủy và thân thiện với môi trường.

b) Triển khai các giải pháp thực hiện nhằm đạt chỉ tiêu đến tháng 10 năm 2020 và chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020: 100% hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, nhà sách... sử dụng các bao bì thân thiện môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy; tiểu thương tại các chợ dân sinh giảm 50% sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong việc đóng gói, đựng sản phẩm cho khách hàng. Báo cáo tiến độ, kết quả đạt được cho Ủy ban dân thành phố trong các đợt sơ kết, tổng kết thực hiện Chỉ thị số 19.

7.4. Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu áp dụng khoa học, công nghệ để hỗ trợ tăng sản lượng, chất lượng, mẫu mã sản phẩm, giảm chi phí trong sản xuất túi, bao bì thân thiện môi trường.

7.5. Cục Thuế thành phố tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xây dựng cơ chế xử lý vi phạm đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh túi ni lông vi phạm các quy định của Luật Thuế bảo vệ môi trường.

7.6. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

a) Tiếp tục triển khai thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công

văn số 2061/UBND-ĐT ngày 11 tháng 5 năm 2018 về chương trình giảm sử dụng túi ni lông khó phân hủy trên địa bàn thành phố: có kế hoạch điều tra, khảo sát các cơ sở thu mua phế liệu, tái chế và xử lý túi ni lông tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; đánh giá công nghệ tái chế túi ni lông, kiểm soát mức độ ô nhiễm của các cơ sở này nhằm đưa ra biện pháp quản lý chặt chẽ đối với hệ thống thu mua phế liệu, tái chế hiện nay trên địa bàn thành phố.

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức, hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, nhập khẩu túi ni lông khó phân hủy; các doanh nghiệp có sản xuất túi ni lông tự phân hủy sinh học và túi ni lông thân thiện với môi trường trên địa bàn, đảm bảo tuân thủ các quy định theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành

8. Rà soát, xây dựng và ban hành tiêu chí, quy trình công nhận các danh hiệu liên quan đến thực hiện Cuộc vận động, các danh hiệu văn hóa nhằm vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động:

Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các Sở ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và triển khai một số nội dung như sau:

- Ban hành tiêu chí và quy trình công nhận khu phố, ấp đạt tiêu chuẩn và danh hiệu “Khu phố, ấp sạch, không xả rác ra đường và kênh rạch”; phường, xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn và danh hiệu “Phường, xã, thị trấn không xả rác ra đường và kênh rạch”, tổ chức công nhận và công bố danh sách các đơn vị đạt tiêu chuẩn vào tháng 10 năm 2019, tháng 4 năm 2020 và tháng 9 năm 2020.

- Ban hành bổ sung các tiêu chí văn hóa lòng ghép thực hiện Chỉ thị số 19 và triển khai giám sát, đánh giá và công nhận các danh hiệu văn hóa.

9. Biểu dương, phổ biến và nhân rộng các mô hình, giải pháp thực hiện có hiệu quả trong quá trình triển khai Cuộc vận động.

9.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất hình thức khen thưởng phù hợp đối với các cá nhân, tập thể thực hiện tốt Chỉ thị số 19.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch công nhận và khen thưởng đối với các công trình trọng điểm thực hiện Chỉ thị số 19 đạt kết quả tốt nhân dịp chào mừng các ngày lễ lớn (như: Kỷ niệm 45 năm giải phóng Miền Nam, thống nhất

đất nước; chào mừng Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI...)

9.2. Sở Nội vụ lồng ghép việc thực hiện Cuộc vận động vào tiêu chí, tiêu chuẩn thi đua khen thưởng hằng năm của các đơn vị.

9.3. Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện:

a) Tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong thời gian qua tại địa phương để vận động nhân dân dân tại các khu dân cư thực hiện tổng vệ sinh bảo vệ môi trường tại các tuyến đường, hẻm trên địa bàn.

b) Định kỳ hàng tuần tổ chức vận động các hộ gia đình, cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện các “Ngày Chủ nhật xanh”, “Ngày thứ bảy tình nguyện”, “15 phút vì thành phố văn minh - sạch đẹp” dọn dẹp, thu gom rác thải và duy trì chất lượng vệ sinh tại các khu vực này.

c) Tuyên dương các gương điển hình đối với cá nhân và tập thể thực hiện tốt Cuộc vận động này tại địa phương.

10. Kinh phí thực hiện:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được phân công triển khai thực hiện Chỉ thị số 19

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Thủ trưởng các Sở ngành và Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung được phân công tại Kế hoạch ban hành kèm Quyết định số 787 kết hợp với Kế hoạch này nhằm đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị số 19 đạt kết quả.

2. Chế độ báo cáo:

2.1. Thời gian: định kỳ 6 tháng, năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện. Cụ thể:

a) Tháng 10 năm 2019: báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện.

b) Tháng 4 năm 2020: báo cáo sơ kết 1,5 năm thực hiện.

c) Tháng 10 năm 2020: báo cáo tổng kết 02 năm thực hiện.

2.2. Nội dung: báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được phân công tại Kế hoạch ban hành kèm Quyết định số 787 và Kế hoạch này.

2.3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị đầu mối, có trách nhiệm đôn đốc các Sở ngành, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện thực hiện các nội dung được phân công và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện, đảm bảo thời gian quy định nêu trên.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2019

Số: 6991/VP-VX
V/v đính chính văn bản

Kính gửi:

- Sở - ban, ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Nay, trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố tại Công văn số 1767/BQLATTP-VP ngày 31 tháng 7 năm 2019, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đính chính căn cứ ban hành của Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

“Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm”;

Đính chính thành:

“Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm”;

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo việc đính chính nêu trên cùng các cơ quan, đơn vị./.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

Võ Sĩ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2019

CHỈ THỊ
Về nhiệm vụ năm học 2019 - 2020
của giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2019 - 2020 của ngành Giáo dục;

Căn cứ các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Chủ đề năm 2019 của thành phố “Năm đột phá cải cách hành chính và thực hiện Nghị quyết 54 của Quốc hội”; Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh” và Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì thành phố sạch và giảm ngập nước”;

Căn cứ tình hình thực tiễn; nhằm huy động sức mạnh tổng hợp và nguồn lực toàn xã hội cho sự nghiệp giáo dục Thành phố; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, tổ chức xã hội thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu trong năm học 2019 - 2020 như sau:

1. Nhiệm vụ chung

1. Quán triệt và triển khai các giải pháp nhằm thực hiện tốt sứ mệnh của Ngành giáo dục:

- Học để làm người công dân Việt Nam tốt, có khả năng hội nhập quốc tế.
- Học để làm con hiếu thảo, có trách nhiệm; để biết xây dựng gia đình hạnh phúc.
- Học để có nghề hiệu quả, nuôi mình và gia đình.
- Học để đóng góp cho thành phố và đất nước.

2. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2015 - 2020; cương quyết khắc phục những hạn chế; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường an ninh, an toàn trường học; chú trọng công tác giáo dục thể chất, y tế trường học; xây dựng văn hóa học đường, giáo dục lí tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; nâng cao hiệu quả đào tạo nhân lực chất lượng cao, gắn với khoa học - công nghệ.

3. Giáo dục mầm non: Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non; tiếp tục triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về hỗ trợ giáo dục mầm non; tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non; tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và nâng cao đạo đức nhà giáo cho đội ngũ.

4. Giáo dục phổ thông: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; tích cực chuẩn bị các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa mới, nhất là đối với lớp Một; tiếp tục đổi mới kiểm tra - đánh giá; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục phổ thông.

5. Giáo dục thường xuyên: Rà soát nâng cao hiệu quả hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; chấn chỉnh các trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động không đúng quy định; tiếp tục thực hiện các công tác xóa mù chữ, xây dựng xã hội học tập trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố tiếp tục tập trung thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tích cực chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng cho việc triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo lộ trình; triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục (sửa đổi) vừa được Quốc hội thông qua; tích cực rà soát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả quản lí nhà nước; thực hiện tốt công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất nhà trường; chủ động trong việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ; đột phá trong công tác cải cách hành chính; đẩy

manh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng hội nhập khu vực và quốc tế.

- Triển khai các giải pháp đồng bộ, đảm bảo thực hiện đầy đủ 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 giải pháp cơ bản theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo để hoàn thành nhiệm vụ năm học 2019 - 2020.

- Chủ động phối hợp với các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận/huyện tổng kết việc thực hiện Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020. Tích cực phối hợp rà soát tiến độ xây trường; đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020, đến cuối năm 2020, có 300 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi từ 3 đến 18 tuổi (*kể cả người dân không có hộ khẩu thường trú hoặc KT3*); đảm bảo đáp ứng nhu cầu chỗ học cho tất cả người dân thành phố và từng bước nâng tỉ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày, giảm sĩ số học sinh/lớp.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả, thực chất Cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, nâng cao đạo đức nhà giáo; quan tâm và tham mưu các chế độ, chính sách nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo; tích cực đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý, giáo viên các cấp, nhất là tập huấn đội ngũ chuẩn bị chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện tốt, hiệu quả việc chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND.

- Tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018; đặc biệt là về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đổi mới phương pháp dạy - học, kiểm tra - đánh giá theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, nâng cao chất lượng dạy - học Ngoại ngữ (nhất là Tiếng Anh) và Tin học, các mô hình “Trường học thông minh”, tập trung mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuẩn quốc tế, thích ứng tốt với hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy - học, quản lý giáo dục; xây dựng kho tài nguyên học liệu mở, hình thành mạng xã hội học tập trực tuyến, chia sẻ nguồn tài liệu học tập, phục vụ nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của học sinh và nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

- Đẩy mạnh hoạt động giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho Thủ trưởng các đơn vị, cơ sở giáo dục; đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa giáo dục, chương trình kích cầu đầu tư cho giáo dục, huy động mọi nguồn lực và tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục triển khai mạnh, hiệu quả các mô hình, giải pháp đổi mới của Ngành: mô hình Trường tiên tiến theo xu thế hội nhập, Chương trình “Dạy Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”, Chương trình Tiếng Anh tăng cường, Đề án 404 và các chính sách hỗ trợ ngành học mầm non của thành phố, Mô hình “Trường học không dùng tiền mặt”,...

- Đẩy mạnh tiến độ, đảm bảo chất lượng công tác kiểm định chất lượng giáo dục và hoạt động tự đánh giá tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Tích cực phối hợp thực hiện các kỳ khảo sát độc lập, các chuẩn kiểm định quốc tế.

- Tiếp tục quan tâm công tác giáo dục chính trị tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, tinh thần yêu nước, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh. Chú trọng xây dựng nền tảng gia đình, ý chí phụng sự Tổ quốc và ý chí khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên; nâng cao khả năng thực hành của học sinh, sinh viên.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với việc giải quyết các thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục - đào tạo; tăng cường truyền thông nội bộ; tổ chức truyền thông gương người tốt, việc tốt, tiêu biểu trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo, tạo sự đồng thuận trong toàn ngành và xã hội.

2.2. Các sở, ban, ngành Thành phố

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo làm tốt các nhiệm vụ chủ yếu đã nêu trên và một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, chỉ đạo các quận, huyện thực hiện tốt công tác giao biên chế cho ngành, công tác quy hoạch cán bộ quản lý, thuyên chuyển, tuyển dụng, đảm bảo số lượng và chất lượng cán bộ, giáo viên các cấp học, bậc học.

- Giao Công an Thành phố phối hợp với các địa phương tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong và ngoài nhà trường.

- Giao Sở Y tế, Ban An toàn thực phẩm thành phố phối hợp thực hiện công tác y

tế học đường; đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích trong nhà trường.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông chính xác, đầy đủ những chủ trương, định hướng đổi mới của ngành.

- Giao Sở Tài chính phối hợp, đảm bảo nguồn ngân sách đầu tư cho giáo dục nhằm đảm bảo các hoạt động; hướng dẫn các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện tốt, đúng quy định việc vận động xã hội hóa.

- Giao Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở Kế hoạch - Đầu tư phối hợp giải quyết quỹ đất giáo dục và các cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh tiến độ xây dựng trường lớp.

- Tăng cường các giải pháp về chính sách xã hội nhằm đảm bảo 100% học sinh thuộc diện gia đình khó khăn có điều kiện đến trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo thành phố.

2.3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch dành quỹ đất cho giáo dục và đào tạo và chuẩn bị các dự án xây dựng trường lớp trên địa bàn trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt nhằm giải quyết đầy đủ chỗ học cho học sinh Thành phố, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X; đáp ứng nhu cầu chỗ học cho tất cả người dân thành phố và từng bước nâng tỉ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày, giảm sĩ số học sinh/lớp.

- Chỉ đạo quyết liệt, phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục để thực hiện tốt công tác quản lý trên địa bàn theo phân cấp.

- Thực hiện tốt và kịp thời công tác tuyển dụng viên chức cho ngành giáo dục và đào tạo phục vụ cho ngày tựu trường, tổ chức dạy và học.

- Chỉ đạo và tích cực phối hợp chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018; đặc biệt là về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các quận/huyện, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này; đề nghị các Cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các

tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể Thành phố quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ngành Giáo dục thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm học 2019 - 2020./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng